

Số: 865 /QĐ-NĐCP

Quảng Ninh, 11 ngày tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Hồ sơ mời chào giá (HSMCG) ngày 11 /03/2026
Đơn hàng số: 10/ĐH-NĐCP: Mua sắm vật tư ống, van áp lực và các vật tư thiết
yếu khác

GIÁM ĐỐC CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV

- Quyết định số 1081/QĐ-ĐLTKV ngày 28/6/2022 của Tổng công ty Điện lực – TKV về việc ban hành Quy định quản lý Hợp đồng sản xuất kinh doanh trong Tổng công ty;

Văn bản số 3793/ĐLTKV-KH ngày 25/12/2025 của Tổng công ty Điện Lực-TKV về việc giao thông qua các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 cho Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV;

- Quyết định số 106/QĐ-ĐLTKV ngày 24/2/2026 của Tổng công ty Điện lực – TKV-CTCP về việc ban hành Quy chế quản lý công tác vật tư.

- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV;

- Quyết định số 2630/QĐ-NĐLTKV ngày 11/11/2024 của Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV về việc ban hành Quy định về mua sắm vật tư để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất và duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty điện lực TKV-CTCP;

- Quyết định 2995/QĐ-NĐCP ngày 25/12/2024 của Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV về việc ban hành Quy định về quản lý vật tư trong Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV;

- Quyết định 2997/QĐ-NĐCP ngày 25/12/2024 của Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV về việc ban hành Quy định về mua sắm vật tư để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng vốn sản xuất kinh doanh trong Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV;

- Quyết định số 1479/QĐ-NĐCP ngày 05/05/2025 của Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV về việc kiện toàn nhân sự tổ tư vấn của Công ty;

Xét Tờ trình ngày 11 /03/2026 của Tổ tư vấn về việc phê duyệt Hồ sơ mời chào giá (HSMCG) ngày 11/03/2026, Đơn hàng số 10/ĐH-NĐCP: Mua sắm vật tư ống, van áp lực và các vật tư thiết yếu khác.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Hồ sơ mời chào giá (HSMCG) ngày 11/03/2026 của đơn hàng số 10/ĐH-NĐCP “Mua sắm vật tư ống , van áp lực và các vật tư thiết yếu khác” (như danh mục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông, bà Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng các phòng KTAT, KH-ĐT-VT, KTTC, Tổ tư vấn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: TTV; NTB⁽¹⁾.



GIÁM ĐỐC

Trần Văn Hoan

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ

Tên gói cung cấp: Mua sắm vật tư ống, van áp lực và các vật tư thiết yếu khác

Phát hành ngày: 11 / 03 /2026

Ban hành kèm theo QĐ: 805 /QĐ-NĐCP ngày 11/03 /2026

BÊN MỜI CHÀO GIÁ
GIÁM ĐỐC



Trần Văn Hoan

I. Chỉ dẫn nhà cung cấp

1. Phạm vi công việc của gói cung cấp

- Tên gói cung cấp: Mua sắm vật tư ống, van áp lực và các vật tư thiết yếu khác.
- Bên mời nhà cung cấp: Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV.
- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh.
- Loại hợp đồng: theo đơn giá cố định.
- Phạm vi công việc của gói cung cấp: Mua sắm vật tư ống, van áp lực và các vật tư thiết yếu khác.

2. Thời hạn hoàn thành

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 45 ngày đối với mục 22; 6-8 tuần đối với mục 4; 10-12 tuần đối với mục 5,11,13; 12-16 tuần đối với mục 1,18; 16-20 tuần đối với mục 30; 18-20 tuần đối với các mục còn lại tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

3. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

Nhà cung cấp có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà cung cấp đang hoạt động cấp (bản sao y, có chứng thực).

4. Thành phần của HSDX

1. HSDX do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao y) có chứng thực trong vòng 06 tháng trở lại đây.

2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng (Giấy ủy quyền, quyết định bổ nhiệm hoặc văn bản tương đương).

3. Tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm:

- Cung cấp ít nhất 01 hợp đồng cung cấp hàng hóa là vật tư cho nhà máy điện; trong khoảng từ tháng 01 năm 2024 đến nay (*Nhà cung cấp nộp hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự có giá trị tối thiểu 2.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng, bao gồm cả tài liệu chứng minh đã hoàn thành thực hiện hợp đồng)*). Nhà cung cấp phải cung cấp tài liệu chứng minh nội dung này.

- Bên mời chào giá có thể chấp nhận Nhà cung cấp là đơn vị một độc lập hoặc liên danh giữa các Nhà cung cấp với điều kiện đảm bảo các yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá.

Mục 4. Các yêu cầu về thương mại:

1. Giá, thuế, phí, lệ phí:

a. Giá chào:

Giá chào là giá do Nhà cung cấp ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng tại địa điểm giao hàng theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá, bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp Nhà cung cấp chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp sẽ bị loại.

b. Trường hợp Nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể theo hình thức thư giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá. Trong đề xuất giảm giá, Nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu

trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Thư giảm giá gửi sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá sẽ không được chấp nhận.

c. Nhà cung cấp chào giá cho toàn bộ hàng hóa theo thư mời.

2. Địa điểm và thời gian giao hàng:

a. Địa điểm giao hàng là: kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P.Cửa Ông tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam (Nhà cung cấp chịu trách nhiệm nâng hạ hàng, chi phí nâng – hạ tại nơi giao hàng).

b. Thời gian giao hàng (Tính từ khi hợp đồng có hiệu lực): giao hàng trong vòng 196 ngày tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

3. Thanh toán:

Thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng trong vòng 60 ngày sau khi bên B bàn giao đầy đủ hàng hóa, đạt yêu cầu kỹ thuật và có đủ chứng từ thanh toán cho bên A.

4. Bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng:

- Nhà cung cấp phải cam kết bảo hành: bảo hành trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày 2 bên ký biên bản kiểm nghiệm.

- Nhà cung cấp phải có cam kết thiết bị lắp đặt tương thích với thiết bị hiện hữu, phải đảm bảo về mức độ tin cậy, mức độ an toàn, đặc tính kỹ thuật, không làm ảnh hưởng đến thiết bị hiện hữu.

5. Nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ:

Hàng hóa sản xuất năm 2025 trở lại đây, mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật. Hàng hóa, vật tư cung cấp phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, có giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng.

+ Các mục 11,14,15,17,19,21,26,29 cấp cam kết nguồn gốc xuất xứ và chất lượng sản phẩm):

+ Các mục còn lại cung cấp đầy đủ Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), Giấy chứng nhận chất lượng (CQ) (CO do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp cho đơn vị nhập khẩu tại Việt Nam). Cam kết xuất trình tờ khai Hải quan (bản gốc) nếu là nhà thầu trực tiếp nhập khẩu hoặc tờ khai Hải quan (bản sao) được đóng dấu và xác nhận sao y bản chính của đơn vị nhập khẩu nếu là hàng hoá nhà thầu mua thông qua các đại lý khi Chủ đầu tư yêu cầu.

Yêu cầu cấp bản dịch thuật tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật với các chứng từ không được viết bằng tiếng Việt. Trong trường hợp số lượng và mục hàng trên CO, CQ trùng với số lượng của Hợp đồng thì phải cung cấp bản gốc kèm theo các chứng từ trên.

- Để đảm bảo tính tương thích yêu cầu không chào hàng tương đương với các mục hàng 1,2,3,4,18,20,24,25.

- Đối với các mục còn lại nhà cung cấp có thể chào giá theo mã yêu cầu hoặc hàng tương đương (đính kèm tài liệu kỹ thuật hàng tương đương, Văn bản xác nhận tương đương của hãng sản xuất,).

Trường hợp nhà thầu đề xuất hàng tương đương thì nhà thầu phải cung cấp tài liệu bao gồm:

+ Catalogue/tài liệu kỹ thuật hoặc các tài liệu tương đương khác (có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất) của hàng hóa do nhà thầu đề xuất, Catalogue/tài liệu kỹ thuật phải có đầy đủ thông tin về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa;

+ Văn bản của nhà sản xuất (Có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất) khẳng định và cam kết hàng hóa do nhà thầu đề xuất tương đương về đặc tính, thông số kỹ thuật);

+ Bảng so sánh thông số kỹ thuật.

(Trường hợp nhà thầu không cung cấp các tài liệu theo quy định (hoặc không bổ sung được theo yêu cầu của bên mời chào giá hoặc cung cấp các tài liệu không được viết bằng tiếng Việt mà không gửi kèm dịch thuật sang tiếng Việt thì hàng hóa tương đương do nhà thầu đề xuất được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật)

Mục 5. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong chào giá

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá.
2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là VNĐ.
3. Hồ sơ chào giá cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ chào giá được trao đổi giữa Bên mời chào giá và Nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Hồ sơ chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời chào giá có thể yêu cầu Nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 6. Nội dung Hồ sơ chào giá

Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc Hồ sơ chào giá bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01, Biểu giá chào hàng theo Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu.

Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ chào giá có đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà Nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc đơn hàng, Nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá với đúng giá đã chào.

2. Các tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp theo quy định tại Mục 3 của Hồ sơ mời chào giá này.

3. Bản kê các điều kiện thương mại: giao hàng, thanh toán, bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng (nếu có), v.v... theo Mẫu số 03, Chương III-Biểu mẫu.

4. Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hoá phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng, bao gồm cả các tài liệu chứng minh về nguồn gốc, xuất xứ theo Mẫu số 04, Chương III-Biểu mẫu.

5. Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hoá an toàn đến nơi giao nhận, phù hợp với yêu cầu về tiến độ cung cấp.

6. Bản cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05, Chương III-Biểu mẫu.

Mục 7. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ chào giá

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá tối thiểu là 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá.

Mục 8. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ chào giá

1. Hồ sơ chào giá được gửi trong phong bì kín, ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại của cá nhân/nhà cung cấp gửi, có niêm phong ghi rõ nội dung: **Hồ sơ chào giá theo văn bản số 865 /QĐ-NĐCP ngày 11 / 03/2026** và gửi thư chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp về địa chỉ như sau (*Bên mời chào giá chỉ tiếp nhận những hồ sơ chào giá đảm bảo nội dung này*):

Địa chỉ nhận hồ sơ chào giá:

+ Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV.

+ Địa chỉ: Tổ 4, Khu 4A, Phường Cửa Ông, Tỉnh Quảng Ninh.

+ Điện thoại: 02033 734 900

- Mọi thắc mắc xin liên hệ cán bộ phụ trách: Nguyễn Thị Bích, phòng Kế hoạch-Đầu tư-Vật tư; điện thoại: 0985223842.

- Thời gian nhận bản chào giá chậm nhất vào **14 giờ 00' ngày 18 / 03 /2026**

- Các Hồ sơ chào giá được gửi đến Bên mời chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá sẽ không được xem xét.

2. Các Hồ sơ chào giá sẽ được mở đồng thời một cách công khai tại trụ sở Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV vào hồi **14 giờ 30 ' ngày 18 / 03 /2026**.

Bên mời chào giá mời các Nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ chào giá chứng kiến và xác nhận việc mở các Hồ sơ chào giá, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở Hồ sơ chào giá vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các Nhà cung cấp này.

3. Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ chào giá của các Nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: tên Nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá ... sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn Nhà cung cấp.

4. Bên mời chào giá chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong các Hồ sơ cho đến khi công bố kết quả lựa chọn Nhà cung cấp.

5. Các bản chào giá không thực hiện như đúng hình thức yêu cầu trong hồ sơ này bên mời cung cấp có quyền không tiếp nhận, không mở hồ sơ và trả về nhà cung cấp nếu phong bì thư có ghi rõ địa chỉ nhà cung cấp.

Mục 9. Làm rõ Hồ sơ chào giá

1. Sau khi mở Hồ sơ chào giá, Nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Hồ sơ chào giá theo yêu cầu của Bên mời chào giá (nếu có). Trường hợp Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm thì Bên mời chào giá yêu cầu Nhà cung cấp làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi

bản chất của Nhà cung cấp tham gia chào giá, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Hồ sơ chào giá đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ Hồ sơ chào giá giữa Nhà cung cấp và Bên mời chào giá được thực hiện thông qua văn bản.

3. Hồ sơ chào giá (HSCG) hoặc bất kỳ tài liệu nào được nhà cung cấp (NCC) gửi Bên mời chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá để sửa đổi, bổ sung Hồ sơ chào giá đã nộp đề không hợp lệ và không được xem xét. Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày mở Hồ sơ chào giá, trường hợp Nhà cung cấp phát hiện Hồ sơ chào giá của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện thì Nhà cung cấp được phép gửi tài liệu đến Bên mời chào giá để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện của mình. Bên mời chào giá có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà cung cấp để xem xét, đánh giá Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm được coi như một phần của Hồ sơ chào giá.

4. Việc làm rõ Hồ sơ chào giá chỉ được thực hiện giữa Bên mời chào giá và Nhà cung cấp có Hồ sơ chào giá cần phải làm rõ. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện được coi là một phần của Hồ sơ chào giá và được Bên mời chào giá bảo quản như Hồ sơ chào giá.

Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà Nhà cung cấp không làm rõ được hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời chào giá thì Bên mời chào giá sẽ đánh giá Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp theo Hồ sơ chào giá đã nộp hợp lệ trước đó.

Mục 10. Đánh giá Hồ sơ chào giá

Việc đánh giá Hồ sơ chào giá được thực hiện theo các quy định dưới đây:

1. Đánh giá về tính hợp lệ của Hồ sơ chào giá:

Hồ sơ chào giá được đánh giá là hợp lệ khi bao gồm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá.

2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Đánh giá theo tiêu chí đạt/ không đạt để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của Nhà cung cấp trên cơ sở các tiêu chí yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm được nêu tại Hồ sơ mời chào giá.

3. Đánh giá về kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt làm cơ sở để đánh giá về mặt kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất.
- Nhà thầu được chào hàng hóa là tương đương hoặc tốt hơn. Trường hợp nhà thầu chào hàng hóa là tương đương hoặc tốt hơn thì hàng hóa được đánh giá là tương đương hoặc tốt hơn khi đáp ứng toàn bộ các yêu cầu sau:

+ Có bảng so sánh thông số, đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ giữa hàng hóa yêu cầu trong thư mời và thông số kỹ thuật của hàng hóa nhà thầu chào tương đương hoặc tốt hơn kèm theo tài liệu kỹ thuật của hãng sản xuất hàng hóa yêu cầu trong thư mời và hãng sản xuất mà nhà thầu chào tương đương hoặc tốt hơn để chứng minh;

+ Có cam kết hàng hóa do nhà thầu chào đảm bảo tính tương thích, đồng bộ và

đảm bảo tính lắp lẫn vào hệ thống/thiết bị của chủ đầu tư đang sử dụng, không gây ảnh hưởng phụ tới công suất, hiệu quả, tuổi thọ thiết bị của chủ đầu tư (không gián tiếp là nguyên nhân phát sinh làm hư hỏng các bộ phận khác trong hệ thống thiết bị).

- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành: Nhà cung cấp phải trình bày thời gian và cách thức thực hiện bảo hành;

- Tiến độ cung cấp hàng hóa.

- Cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05 Chương III – Biểu mẫu.

4. Đánh giá về giá:

- Tiêu chí đánh giá về giá được áp dụng theo đơn giá thấp nhất của từng mục hàng hóa.

- Cách xác định đơn giá đánh giá thấp nhất theo các bước sau:

- + Bước 1: Xác định đơn giá chào đối với từng hạng mục hàng hoá nêu tại Chương II (đã bao gồm sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, nếu có).

- + Bước 2: Xác định giá đánh giá trên cơ sở quy về một mặt bằng, có tính đến các điều kiện về giao hàng, thanh toán, bảo hành, v.v....

- + Bước 3: Xếp hạng các hồ sơ chào giá theo đơn giá.

So sánh đơn giá đánh giá giữa các Hồ sơ chào giá, Hồ sơ chào giá có đơn giá đánh giá thấp nhất được xếp thứ nhất. Đối với đơn hàng có nhiều hạng mục thì việc đánh giá sẽ theo nguyên tắc so sánh từng hạng mục giống nhau hoặc tương đương để xếp hạng các Hồ sơ chào giá.

Mục 11. Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp vật tư khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ chào giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Hồ sơ mời chào giá;

2. Được xem xét đề nghị cung cấp hàng hoá theo xếp hạng các Hồ sơ chào giá từ thứ nhất đến các thứ hạng tiếp theo.

Để đảm bảo đủ nguồn vật tư, kịp thời phục vụ sản xuất, Bên mời chào giá có quyền lựa chọn nhiều hơn 01 Nhà cung cấp và Bên mua có quyền mua một, một số hoặc tất cả các chủng loại vật tư thuộc đơn hàng trên.

Mục 12. Hợp đồng

Nhà cung cấp được duyệt sẽ ký kết và thực hiện hợp đồng với Bên mời chào giá với các nội dung hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các điều kiện chính theo mẫu số 05 Chương III.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA ĐƠN HÀNG

Nhà cung cấp phải chào hàng hàng hóa theo nội dung yêu cầu dưới đây:

1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật:

- Tên đơn hàng: Mua sắm vật tư ông, van áp lực và các vật tư thiết yếu khác
- Số hiệu đơn hàng: 10/ĐH-NĐCP ngày 9/01/2026
- Chi tiết xem bảng dưới.

TT	Danh mục hàng hóa		ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
	Tên hàng hóa	Quy cách/Thông số kỹ thuật			
1.	Bạc lót trục	mã số chế tạo A11978374 Compare EU/G7	cái	1	
2.	Băng tải cân	B830x7180mm; EP150 B830 (chu vi hờ có khóa suốt) Qlar/Trung Quốc	Cái	2	
3.	Băng tải cân	B650x7180mm; EP150 B650 (chu vi hờ có khóa suốt) Qlar/Trung Quốc	Cái	4	
4.	Bơm dầu EH	PVH074R01AA10A250000002001AB01A. P/N: 02-152165 Eaton Mỹ/ EU-G7	Bộ	1	
5.	Ống thép	D63,5x8; VL SA 210C Haikou Tuoling/Trung Quốc hoặc tương đương	m	750	
6.	Ống thép	D44,5x8; VL SA213-T22 Jiujiang/ Trung Quốc hoặc tương đương	m	213	
7.	Ống thép	D44,5x5,5; VL SA210C Jiujiang/Trung Quốc hoặc tương đương	m	246	
8.	Ống thép	D44,5x5; VL SA213-T12 Jiujiang/ Trung Quốc hoặc tương đương	m	264	
9.	Ống thép	D44,5x10,5; VL SA213-T91 Tianjin Longford Metal Products Co.,Ltd/Trung Quốc hoặc tương đương	m	276	
10.	Ống thép	D44,5x5 VL: SA213-T22 Jiujiang/Trung Quốc hoặc tương đương	m	264	
11.	Ống thép	OD42,2x4,8; VL SUS 310S (4,42kg/m) Haikou Tuoling/ Trung Quốc hoặc tương đương	m	6	
12.	Ống thép	OD219x10; VL SUS 310S (53,1kg/m) Tianjin Longford Metal Products Co.,Ltd/ Trung Quốc hoặc tương đương	m	6	
13.	Ống thép	OD168,3x7,11; VL SUS 310S (28,25kg/m) Haikou Tuoling/ Trung Quốc hoặc tương đương	m	6	
14.	Thép hình	U120x52x4,8x6 Tianjin Longford Metal Products hoặc tương đương Co.,Ltd/ Trung Quốc	m	12	
15.	Thép hình	U80 Qin huangdao/ Trung Quốc hoặc tương đương	m	6	
16.	Van	DN20 PN320; Globe valve, Plug discs, RB, DN20, PN320, BW F22, CrMoV Steel Áp lực làm việc 32Mpa, nhiệt độ làm việc 538oC	Cái	20	

TT	Danh mục hàng hóa		ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
	Tên hàng hóa	Quy cách/Thông số kỹ thuật			
		Shangxian/ Trung Quốc hoặc tương đương			
17.	Van 1 chiều	Inox DN80, PN16, kết nối mặt bích Shangxian/ Trung Quốc hoặc tương đương	Cái	1	
18.	Van an toàn bình phân ly	mã số chế tạo 100002580 (DN40 PN10 (vật liệu bằng đồng, kết nối ren ngoài)) Compare EU/G7	cái	1	
19.	Van bi tay gạt	DN80 PN16 Shangxian/ Trung Quốc hoặc tương đương	Cái	1	
20.	Van bướm điều khiển điện	DN100, 2SQ8011-BDA00-00-ZT105 YEPEF/ Trung Quốc	Cái	1	
21.	Van bướm tay gạt	Inox DN80, PN16 Shangxian/ Trung Quốc hoặc tương đương	Cái	4	
22.	Van cấp quay đá vôi cos12,6m	Loại hình XG-14; 14T/h; kích thước miệng đầu vào 300x300mm; công suất 1,5kW; tốc độ vòng quay 30r/ph; trọng lượng 370kg (kèm theo động cơ) Vimi/Việt Nam hoặc tương đương	Cái	1	
23.	Van cấp quay xỉ đáy	DSG450 100T/h; 44r/min Jinkui/ Trung Quốc hoặc tương đương	Cái	1	
24.	Van đĩa xoay	FRZR 644TC; DN150; $\leq 200^{\circ}\text{C}$; 1,6Mpa (kèm ống nhún bảo vệ xi lanh) Zhengzhou Free Fluid/ Trung Quốc	Bộ	2	
25.	Van đĩa xoay	FRZ 643TC; DN200; 1-1,6Mpa; $\leq 200^{\circ}\text{C}$ (gồm van và cơ cấu điều khiển) Zhengzhou Free Fluid/ Trung Quốc	Bộ	2	
26.	Van một chiều	chữ ngã DN50 Baoding/ Trung Quốc hoặc tương đương	Cái	2	
27.	Van tay	DN40 PN320; Globe valve, Plug discs, RB, DN40, PN320, BW F22, CrMoV Steel. Áp lực làm việc 32Mpa, nhiệt độ làm việc 538 $^{\circ}\text{C}$ Shangxian/ Trung Quốc hoặc tương đương	Cái	10	
28.	Van tay	DN50 PN320; Globe valve, Plug discs, RB, DN50, PN320, BW F22, CrMoV Steel. Áp lực làm việc 32Mpa, nhiệt độ làm việc 538 $^{\circ}\text{C}$ Shangxian/ Trung Quốc hoặc tương đương	Cái	10	
29.	Van tay gạt	1/2"; PN10; 2 đầu ren trong Baoding/ Trung Quốc hoặc tương đương	cái	5	
30.	Xích băng tải cấp 3 MCT	Bản vẽ: DONG YANG 190826-12-AD-A; Doyang/Hàn Quốc hoặc tương đương	m	22	

2. Tiến độ cung cấp

– Thời gian giao hàng (Tính từ khi hợp đồng có hiệu lực): 45 ngày đối với mục 22; 6-8 tuần đối với mục 4; 10-12 tuần đối với mục 5,11,13; 12-16 tuần đối với mục 1,18; 16-20 tuần đối với mục 30; 18-20 tuần đối với các mục còn lại tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: (Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng)

Tên đơn hàng: (Ghi tên đơn hàng theo Thư mời chào giá)

Số hiệu đơn hàng: (Ghi số hiệu đơn hàng theo Thư mời chào giá)

Kính gửi: Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực – CTCP

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá (TMCG) số hiệu mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi,.....(Ghi tên Nhà cung cấp), cam kết thực hiện đơn hàng (Ghi tên và số hiệu đơn hàng) theo đúng yêu cầu của TMCG với tổng số tiền là (Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền) cùng với Bảng giá chào và các điều kiện thương mại kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng(Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của TMCG).

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.
2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Những thông tin kê khai trong Hồ sơ chào giá là trung thực. Nếu Hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các quy định trong TMCG số(Ghi số hiệu đơn hàng theo Thư mời chào giá).
4. Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gianngày (Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu là ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp báo giá được ghi trong bản yêu cầu), kể từ ngày(Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu)

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 02

BẢNG GIÁ CHÀO CỬA HÀNG HÓA

Ngày: (Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng)
 Tên đơn hàng: (Ghi tên đơn hàng theo Thư mời chào giá)
 Số hiệu đơn hàng: (Ghi số hiệu đơn hàng theo Thư mời chào giá)

Số TT (Theo thư mời)	Tên vật tư, hàng hóa	Quý cách – Thông số kỹ thuật		Đơn vị tính	Hãng/ nước sản xuất		Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền trước thuế (VNĐ)	Thuế GTGT (VNĐ)		Thành tiền sau thuế (VNĐ)	Ghi chú
		Theo thư mời	Chào giá		Theo thư mời	Chào giá (ghi đầy đủ hãng và nước sản xuất)				8%	10%		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Hàng hóa thứ nhất.												
2	Hàng hóa thứ nhất.												
n	Hàng hóa thứ n												
Tổng giá trị													

1. Giao hàng:

- a) Thời gian giao hàng:
 b) Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P.Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
 c) Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa:.....

2. Thanh toán:

3. Hàng hóa

- Chất lượng: Hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.
 - Hàng hóa được sản xuất năm (trò lại đây)
 - Các giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng: (Nhà cung cấp ghi rõ tên các loại giấy tờ).
4. Bảo hành (nếu có):
5. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàn (nếu có):

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
 (Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)
(Ghi chú: ở cột số (11); (12): Nhà cung cấp ghi giá trị thuế GTGT bằng tiền VNĐ ở cột áp dụng thuế suất tương ứng với hàng hóa

CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng: _____ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng: _____ [Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

1. Giao hàng:

a) Địa điểm giao hàng:

b) Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa:

2. Thanh toán:

3. Bảo hành (nếu có):

4. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng (nếu có):

BẢN KÊ CHI TIẾT DANH MỤC HÀNG HÓA

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng: _____ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng: _____ [Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hoá cần thể hiện rõ các đặc tính, thông số kỹ thuật, chất lượng, nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ, v.v... của vật tư được chào giá

T T	Danh mục hàng hoá	ĐVT	Khối lượng	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ từ (quốc gia hoặc vùng lãnh thổ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Hàng hoá thứ 1						
2	Hàng hoá thứ 2						
							
n	Hàng hoá thứ n						

CÁC ĐIỀU KIỆN CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG

I. Đối tượng của hợp đồng

1. Tên hàng và khối lượng:
2. Nhà sản xuất :
3. Xuất xứ :
4. Tiêu chuẩn chất lượng: mới 100%, sản xuất năm 2024 trở lại đây, tại kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P.Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
5. Thông số kỹ thuật của hàng hoá: *(Như Bảng kê chi tiết danh mục hàng hóa)*

II. Hình thức hợp đồng

Hợp đồng theo đơn giá cố định.

III. Giá cả và phương thức thanh toán

1. Đơn giá và giá trị hợp đồng:
2. Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng trong vòng 60 ngày sau khi bên B bàn giao đầy đủ hàng hóa, đạt yêu cầu kỹ thuật và có đủ chứng từ thanh toán cho bên A
3. Bộ chứng từ thanh toán:
 - Các giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa: CO, CQ, Cam kết nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa *(Cụ thể theo quy định tại điểm 5 mục 4 Chương I: Yêu cầu về hồ sơ chào giá)*:
 - Hoá đơn GTGT;
 - Biên bản kiểm nghiệm vật tư
 - Giấy đề nghị thanh toán của Bên B.
 - Bản thanh lý hợp đồng

IV. Giao hàng

1. Địa điểm giao nhận: Giao hàng tại Kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P.Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
2. Thời gian giao hàng (Tính từ khi hợp đồng có hiệu lực): giao hàng trong vòng 196 ngày tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
3. Xác định khối lượng giao nhận:
 - Phương pháp:
 - Địa điểm xác định khối lượng:
 - Biên bản xác định khối lượng
4. Xác định chất lượng:
 - Phương pháp:
 - Địa điểm xác định chất lượng:
 - Biên bản xác định chất lượng/ Chứng thư chất lượng

V. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng